TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-PT
Ngày: 04-3-2019.
" V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khánh Hùng.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kiều Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Sóc Trăng***: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà M; Địa chỉ: tỉnh D (Có mặt).

Bị đơn: Ông N; Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà P; Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông N.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà M trình bày: Năm 2015, ông N có đến đại lý của bà M mua gạo, tấm cám và thức ăn gia súc nợ số tiền 53.316.000 đồng, đến ngày 20/01/2018, ông N trả được số tiền 2.000.000 đồng, còn nợ lại 51.316.000 đồng, bà M đã nhiều lần yêu cầu

ông N thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông N cứ hẹn và cố tình không trả. Tại phiên tòa bà M yêu cầu ông N có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho bà là 51.316.000 đồng, rút lại yêu cầu trả nợ đối với bà P.

Bị đơn ông N trình bày: Từ năm 2015 đến năm 2017, ông N có mua tấm, cám và thức ăn gia súc của đại lý của bà M để về chăn nuôi heo, việc mua bán giữa hai bên đều ghi vào sổ tay theo dõi, thỏa thuận đến khi xuất chuồng thì mới thanh toán tiền cho bà M, ông là người trực tiếp thỏa thuận với bà M, vợ ông tên Q không biết, còn P là con gái ông. Trong năm 2017, giá heo xuống thấp bà M không đồng ý tiếp tục bán cho ông nên cắt sổ nợ thì ông còn nợ bà M số tiền 51.314.000 đồng (theo sổ tay ông đã nộp cho Tòa án) so với số tiền bà M yêu cầu chỉ chênh lệch 2.000 đồng (hai ngàn đồng) nên ông đồng ý. Tại phiên tòa ông N đồng ý trả cho bà M số tiền 51.316.000 đồng nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ do hiện nay ông không có khả năng.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 47/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 đã quyết định Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 227 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 430; Điều 440; Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2, Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M, buộc bị đơn ông N có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 51.316.000 đồng (năm mươi mốt triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P trả nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2018, bị đơn ông N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận cho ông N trả cho nguyên đơn số tiền mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 51.316.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải

quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn đồng thời căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với thời hạn kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 10/12/2018 của bị đơn là trễ hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuy nhiên việc kháng cáo trễ hạn của bị đơn là có lý do chính đáng theo Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 15/2018/QĐ-PT ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng nên kháng cáo của bị đơn vẫn hợp lệ và đúng theo luật định.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan P vắng mặt. Xét thấy, bà P không có liên quan đến nội dung kháng cáo của ông N nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của ông N về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận cho ông N trả cho nguyên đơn số tiền mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ 51.316.000 đồng mà cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Thấy rằng, theo nguyên đơn bà M cho rằng năm 2015, ông N có đến đại lý của bà M mua gạo, tấm cám và thức ăn gia súc nợ số tiền 53.316.000 đồng, đến ngày 20/01/2018, ông N trả được số tiền 2.000.000 đồng, còn nợ lại 51.316.000 đồng, bà M đã nhiều lần yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông N cứ hẹn và cố tình không trả nên bà M khởi kiện yêu cầu ông N trả cho bà số tiền còn nợ là 51.316.000 đồng. Còn ông N cho rằng từ năm 2015 đến năm 2017, ông N có mua tấm, cám và thức ăn gia súc của bà M để về chăn nuôi heo, việc mua bán giữa hai bên có ghi vào sổ tay theo dõi, thỏa thuận đến khi xuất chuồng thì mới thanh toán tiền, năm 2017 giá heo xuống thấp bà M không đồng ý tiếp tục bán cho ông nên cắt sổ nợ thì ông còn nợ bà M số tiền 51.314.000 đồng (theo sổ tay ông N đã ghi) so với số tiền bà M yêu cầu chênh lệch 2.000 đồng nhưng ông đồng ý thống nhất còn thiếu bà M số tiền 51.316.000 đồng và ông đồng ý trả cho bà M số tiền 51.316.000 đồng nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ do hiện nay ông không có khả năng. Xét thấy, mặc dù việc mua bán giữa bà M và ông N trình bày không thống nhất về thời gian mua bán và thỏa thuận về việc mua bán nhưng ông N thừa nhận còn nợ bà M số tiền mua cám, gạo, thức ăn gia súc là 51.316.000 đồng. Do đó căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự cấp sơ thẩm xác định bị đơn ông N còn nợ nguyên đơn bà M số tiền 51.316.000 đồng là sự thật. Cấp sơ thẩm đã buộc ông N có nghĩa vụ thanh toán cho bà M số tiền 51.316.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Việc ông N yêu cầu được trả dần số tiền mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ do hoàn cảnh khó khăn, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu của ông N nên

Hội đồng xét xử không ghi nhận vì yêu cầu này không thuộc thẩm quyền của Tòa án mà thuộc giai đoạn thi hành án.

[3] Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông N và căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

<u>Tuyên xử</u>:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông N.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 227 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 430; Điều 440; Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2, Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M, buộc bị đơn ông N có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 51.316.000 đồng (năm mươi mốt triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P trả nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông N phải chịu 2.565.800đồng (hai triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.282.900 đồng (một triệu hai trăm tám mươi hai nghìn chín trăm đồng) theo lai thu số 0003260 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông N phải chịu là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0003432 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bị đơn đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng(1);
- TAND huyện A(1);
- Chi cục THA huyện A(1);
- Các đương sự(4);
- Lưu HS(1);
- Lưu VP(1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tôn Thị Thanh Thúy